

Số: 8 /QĐ-MNTL

Thanh Lạc, ngày 27 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công bố công khai Thu- chi ngân sách Quý II năm 2025 của trường
MN Thanh Lạc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON THANH LẠC

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ tài chính quy định hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 6996 /QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND huyện Nho Quan về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ của nhà trường

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Thu – chi ngân sách Quý II năm 2025 Của trường Mầm Non Thanh Lạc (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ Phận kế toán và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện Nho Quan
- Phòng GD&ĐT Nho Quan
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thu Huyền

Tải chương: 622

Đơn vị: Trường MN Thanh Lạc

Tải ĐVQHNS: 1126739

Tải cấp NS: 3

Mẫu số: 01-SDKP/ĐVDT

(Ban hành theo Thông tư số 61/2014/TT-BTC

của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Quý II năm 2025

Mã nguồn sách	Mã ngành kinh tế	Mã CTM T, DA	DT năm trước chuyển sang	DT giao đầu năm	Dự toán năm nay		DT được sử dụng trong năm	Dự toán đã sử dụng		Dự toán đã cam kết chi		Dự toán giữ lại	Dự toán còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	071		16.952.000	32.368.200	32.368.200	32.368.200	49.320.200	49.320.200	49.320.200		0		932.506.500
13	071			2.706.357.000	25.720.000	2.732.077.000	2.732.077.000	922.411.500	1.799.570.500		0		932.506.500
Cộng			16.952.000	2.738.725.200	58.088.200	2.764.445.200	2.781.397.200	971.731.700	1.848.890.700	0	0	0	932.506.500

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 27 tháng 06 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Hoàng Thị Đẹp



Đinh Thu Huyền

THUYẾT MINH CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
 QUÝ II NĂM 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
ợ đổi tương chính sách chi phí học tập	12	071	6157	00000	0	0	600.000	600.000	600.000	600.000
bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	12	071	7053	00000	0	0	32.368.200	32.368.200	32.368.200	32.368.200
học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	071	7766	00000	0	0	16.352.000	16.352.000	16.352.000	16.352.000
g theo ngành, bậc	13	071	6001	00000	0	0	341.861.000	679.195.000	341.861.000	679.195.000
công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp	13	071	6051	00000	0	0	38.112.000	69.872.000	38.112.000	69.872.000
cấp chức vụ	13	071	6101	00000	0	0	10.713.000	21.426.000	10.713.000	21.426.000
cấp khu vực	13	071	6102	00000	0	0	11.232.000	21.762.000	11.232.000	21.762.000
cấp ưu đãi nghề	13	071	6112	00000	0	0	121.344.000	240.343.000	121.344.000	240.343.000
cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	071	6113	00000	0	0	3.510.000	3.510.000	3.510.000	3.510.000
cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	071	6115	00000	0	0	44.211.000	87.806.000	44.211.000	87.806.000
khác	13	071	6299	00000	0	0	55.500.000	159.700.000	55.500.000	159.700.000
hiêm xã hội	13	071	6301	00000	0	0	74.325.000	143.432.000	74.325.000	143.432.000
hiêm y tế	13	071	6302	00000	0	0	12.742.000	24.589.000	12.742.000	24.589.000
phí công đoàn	13	071	6303	00000	0	0	4.959.000	12.759.000	4.959.000	12.759.000
phí thất nghiệp	13	071	6304	00000	0	0	4.186.000	8.134.000	4.186.000	8.134.000
	13	071	6449	00000	0	0	36.540.000	58.590.000	36.540.000	58.590.000

Tiền điện	13	071	6501	00000	0	0	2.052.000	2.383.000	2.052.000	2.383.000
Tiền nước	13	071	6502	00000	0	0	143.000	332.000	143.000	332.000
Tiền vệ sinh, môi trường	13	071	6504	00000	0	0	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000
Văn phòng phẩm	13	071	6561	00000	0	0	11.045.000	11.045.000	11.045.000	11.045.000
Vật tư văn phòng khác	13	071	6599	00000	0	0	85.587.500	89.637.500	85.587.500	89.637.500
Thuế bao kính vệ tinh; thuế bao cấp truyền hình; cước phí Internet; thuế đường truyền mạng	13	071	6605	00000	0	0	3.960.000	3.960.000	3.960.000	3.960.000
Khoản điện thoại	13	071	6618	00000	0	0	1.500.000	3.000.000	1.500.000	3.000.000
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	071	6701	00000	0	0	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000
Phụ cấp công tác phí	13	071	6702	00000	0	0	1.440.000	1.440.000	1.440.000	1.440.000
Khoản công tác phí	13	071	6704	00000	0	0	1.500.000	3.000.000	1.500.000	3.000.000
Thuế lao động trong nước	13	071	6757	00000	0	0	27.364.000	54.820.000	27.364.000	54.820.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	071	6912	00000	0	0	10.400.000	10.400.000	10.400.000	10.400.000
Tài sản và thiết bị văn phòng	13	071	6913	00000	0	0	1.170.000	1.170.000	1.170.000	1.170.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	071	7001	00000	0	0	11.675.000	51.765.000	11.675.000	51.765.000
Chi khác	13	071	7049	00000	0	0	0	15.290.000	0	15.290.000
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	13	071	7053	00000	0	0	1.660.000	1.660.000	1.660.000	1.660.000
Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn	13	071	7903	00000	0	0	0	14.870.000	0	14.870.000
				Cộng:	0	0	971.731.700	1.848.890.700	971.731.700	1.848.890.700

Phần KBNN ghi:

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 27 tháng 06 năm 2025
 Kế toán trưởng [Signature]
 Thủ trưởng đơn vị [Signature]

[Signature]
[Signature]



HIỆU TRƯỞNG

[Signature]